

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT VIỆT TRÌ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	05 - 33
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08 - 09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 33

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì tiền thân là Nhà máy Hóa chất số 1 Việt Trì trực thuộc Tập đoàn Hóa chất Việt Nam. Theo lộ trình đổi mới doanh nghiệp của Nhà nước, Công ty đã chính thức chuyển đổi hoạt động sang mô hình Công ty cổ phần vào ngày 04/01/2006, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2600108217 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp lần đầu ngày 04 tháng 01 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ mười một ngày 05 tháng 12 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Phường Thọ Sơn, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Quốc Cương	Chủ tịch
Ông Văn Đình Hoan	Thành viên
Ông Khúc Ngọc Giảng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Bách	Thành viên
Ông Phạm Ngọc Phú	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Văn Đình Hoan	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Bách	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đào Hải Linh	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Lê Việt Dũng	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Hồng Hải	Thành viên
Bà Vũ Thị Bích Ngọc	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



The stamp is circular and red, containing the text: "M.S.D.N: 2600108217-C.T.C", "CÔNG TY CỔ PHẦN HOÁ CHẤT VIỆT TRÌ", and "TP. VIỆT TRÌ - T. PHÚ THỌ". A blue ink signature is written across the stamp.

Văn Đình Hoan

Tổng Giám đốc

Việt Trì, ngày 02 tháng 03 năm 2023



Số: 060323.004/BCTC.KT3

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì được lập ngày 02 tháng 03 năm 2023, từ trang 05 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0743-2023-002-1

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2023

Nguyễn Thị Nhân

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 2959-2020-002-1

T:(84) 24 3824 1990 | F:(84) 24 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		459.477.881.010	302.535.475.556
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	33.623.430.547	5.249.720.056
111	1. Tiền		8.623.430.547	5.249.720.056
112	2. Các khoản tương đương tiền		25.000.000.000	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	102.500.000.000	105.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		102.500.000.000	105.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		160.270.410.945	103.392.668.314
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	140.076.440.750	76.552.662.225
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	863.782.786	577.970.660
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	30.642.953.359	38.262.205.010
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(11.312.765.950)	(12.000.169.581)
140	IV. Hàng tồn kho	9	138.708.461.226	78.759.516.189
141	1. Hàng tồn kho		140.777.931.249	78.759.516.189
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(2.069.470.023)	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		24.375.578.292	10.133.570.997
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	19.986.605.147	9.322.629.811
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		4.388.973.145	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	-	810.941.186
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		228.925.911.648	213.513.653.377
220	II. Tài sản cố định		221.219.683.226	209.132.038.980
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	221.219.683.226	209.132.038.980
222	- Nguyên giá		899.397.614.782	841.830.382.055
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(678.177.931.556)	(632.698.343.075)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	-	-
228	- Nguyên giá		471.977.314	577.625.314
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(471.977.314)	(577.625.314)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	10	1.668.198.770	1.101.366.064
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		1.668.198.770	1.101.366.064
260	VI. Tài sản dài hạn khác		6.038.029.652	3.280.248.333
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	6.038.029.652	3.280.248.333
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		688.403.792.658	516.049.128.933

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		251.222.156.053	232.339.378.604
310	I. Nợ ngắn hạn		250.412.711.813	208.159.164.570
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	79.343.000.193	70.851.838.652
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	2.740.128.282	3.080.148.143
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	18.470.487.542	9.005.792.592
314	4. Phải trả người lao động		18.448.754.001	19.835.337.362
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	2.864.580.622	2.456.592.705
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	21.233.820.229	18.070.717.290
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	85.134.255.272	66.955.809.000
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		22.177.685.672	17.902.928.826
330	II. Nợ dài hạn		809.444.240	24.180.214.034
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	14	809.444.240	22.227.521.890
343	2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		-	1.952.692.144
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		437.181.636.605	283.709.750.329
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	437.181.636.605	283.709.750.329
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		109.880.590.000	109.880.590.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		109.880.590.000	109.880.590.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		131.167.672.269	96.974.177.787
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		196.133.374.336	76.854.982.542
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		19.124.700.664	13.962.023.079
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		177.008.673.672	62.892.959.463
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		688.403.792.658	516.049.128.933

Nguyễn Thị Thúy
Người lập biểu
Việt Trì, ngày 02 tháng 03 năm 2023

Lê Thị Minh Hoa
Kế toán trưởng



Văn Đình Hoan
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2022

Mã	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	1.470.522.794.027	880.045.877.073
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23	94.328.321.693	61.271.873.720
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.376.194.472.334	818.774.003.353
11	4. Giá vốn hàng bán	24	1.010.790.542.295	637.398.855.865
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		365.403.930.039	181.375.147.488
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	7.424.053.147	4.296.100.645
22	7. Chi phí tài chính	26	17.723.969.223	13.843.664.176
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		4.387.497.575	6.301.131.745
25	8. Chi phí bán hàng	27	89.745.412.259	50.145.635.627
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	47.410.629.983	43.403.026.942
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		217.947.971.721	78.278.921.388
31	11. Thu nhập khác	29	4.243.211.995	8.188.896.558
32	12. Chi phí khác	30	836.207.002	953.237.443
40	13. Lợi nhuận khác		3.407.004.993	7.235.659.115
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		221.354.976.714	85.514.580.503
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	44.346.303.042	17.127.591.540
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		177.008.673.672	68.386.988.963
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	14.498	5.601

Nguyễn Thị Thúy
Người lập biểu

Việt Trì, ngày 02 tháng 03 năm 2023

Lê Thị Minh Hoa
Kế toán trưởng



Văn Đình Hoan
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2022
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		221.354.976.714	85.514.580.503
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		52.049.154.181	59.033.642.781
03	- Các khoản dự phòng		1.382.066.392	45.242.346
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(6.092.570.226)	(3.421.098.869)
06	- Chi phí lãi vay		4.387.497.575	6.301.131.745
07	- Các khoản điều chỉnh khác		(1.952.692.144)	(2.027.307.856)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		271.128.432.492	145.446.190.650
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(59.668.009.313)	(48.468.764.800)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(62.018.415.060)	(8.864.470.678)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		9.575.905.385	27.957.890.983
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(13.421.756.655)	(5.256.774.571)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(4.824.190.019)	(7.016.510.468)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(33.685.492.268)	(13.579.996.777)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(8.023.615.748)	(2.739.976.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		99.062.858.814	87.477.588.339
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(59.591.957.435)	(26.920.903.410)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		208.000.000	171.662.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(397.413.918.704)	(176.668.572.625)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		399.913.918.704	141.653.620.094
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		5.916.208.580	3.028.684.788
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(50.967.748.855)	(58.735.509.153)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		267.456.742.410	106.560.410.302
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(270.696.373.788)	(137.095.015.897)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(16.481.768.090)	(10.983.852.400)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(19.721.399.468)	(41.518.457.995)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		28.373.710.491	(12.776.378.809)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		5.249.720.056	18.026.098.865
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>33.623.430.547</u>	<u>5.249.720.056</u>

Nguyễn Thị Thúy

Người lập biểu

Việt Trì, ngày 02 tháng 03 năm 2023

Lê Thị Minh Hoa

Kế toán trưởng



Văn Đình Hoan

Tổng Giám đốc